

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 118/2024/CV-HCN ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng - giai đoạn 1, tỉnh Hà Nam (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa, địa chỉ tại số 562, Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng, tỉnh Hà Nam - giai đoạn 1 (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) có địa chỉ tại phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Yên Bắc và phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100942205 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 27 tháng 12 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8013860427 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp, chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 4 năm 2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 14 tháng 12 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0100942205.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm	A 01461
2	Sản xuất, chế biến thực phẩm (không bao gồm chế biến và bảo quản nước mắm)	C 10 (không bao gồm mã ngành C 10203)
3	Sản xuất đồ uống	C 11
4	Dệt (không bao gồm nhuộm)	C 13
5	Sản xuất trang phục (không bao gồm sản xuất sản phẩm từ da lông thú)	C 14 (không bao gồm mã ngành C142)
6	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú)	C 15 (không bao gồm mã ngành C 1511)
7	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	C 1621
8	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	C 1622
9	Sản xuất bao bì bằng gỗ	C 1623
10	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	C 1629
11	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	C 1702
	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	C 1709
12	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C 181
13	Sản xuất khí công nghiệp	C 20111
14	Sản xuất plastic nguyên sinh	C 20131
15	Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C 20132
16	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác (không bao gồm sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp)	C 202 (không bao gồm mã ngành C 2021)
17	Sản xuất sợi nhân tạo	C 2030
18	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C 21
19	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (không bao gồm sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su)	C 22 (không bao gồm mã ngành C 22110)
20	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	C 2310
21	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu (không bao gồm sản xuất xi măng, vôi và thạch cao)	C 239 (không bao gồm mã ngành C 2394)

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
22	Sản xuất kim loại	C 24
23	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị), (không bao gồm sản xuất vũ khí và đạn dược)	C 25 (không bao gồm mã ngành C 252)
24	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C 26
25	Sản xuất thiết bị điện	C 27
26	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C 28
27	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C 29
28	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C 30
29	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C 31
30	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C 32
31	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C 33
32	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (không bao gồm thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện hạt nhân, điện gió)	D 351 (không bao gồm các mã ngành D 35111, D 35112, D 35113, D 35114, D 35115)
33	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	D 353
34	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G 45
35	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H 52
36	Dịch vụ lưu trú	I 55
37	Dịch vụ ăn uống	I 66
38	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L 68
39	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	M 72
40	Cho thuê xe có động cơ	N 771
41	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm theo người điều khiển	N 773

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích của cả 02 giai đoạn: 147,98 ha gồm:

+ Diện tích giai đoạn 1: 100 ha, trong đó, chủ cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 89,982 ha (đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường trên phần diện tích 77,5974 ha).

+ Diện tích giai đoạn 2: 47,98 ha (chưa thực hiện).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2031).

Giấy phép môi trường số 544/GPMT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Hà Nam (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;
- BQL các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa;
- Công ty TNHH ĐT và PT KCN Plaschem Hà Nam;
- Lưu: VT, KSONMT, Th10.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng giai đoạn 1.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu vệ sinh của nhà điều hành Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu vệ sinh của nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu vực thí nghiệm nằm trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn của giai đoạn 1.

2. Dòng nước thải xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Kênh A4-6-26-1 dẫn ra sông Châu Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2287476,15; Y = 597548,62.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°)

- Điểm xả thải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường; có biện pháp gia cố mái và đáy kênh tiếp nhận đảm bảo không xói lở.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.500 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý bơm ra Kênh A4-6-26-1.
- Hình thức xả: xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động	
2	pH	-	6-9		Đã lắp đặt	
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45			
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5			
5	COD	mg/l	67,5			
6	Màu	Pt-Co	50			
7	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	27		Không yêu cầu	
8	Asen	mg/l	0,045			
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045			
10	Chì	mg/l	0,09			
11	Cadimi	mg/l	0,045			
12	Crom (VI)	mg/l	0,045			
13	Crom (III)	mg/l	0,18			
14	Đồng	mg/l	1,8			
15	Kẽm	mg/l	2,7			
16	Niken	mg/l	0,18			
17	Mangan	mg/l	0,45			
18	Sắt	mg/l	0,9			
19	Tổng xianua	mg/l	0,063			
20	Tổng phenol	mg/l	0,09			
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5			
22	Sunfua	mg/l	0,18			
23	Florua	mg/l	4,5			
24	Tổng Nitơ	mg/l	18			
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6			
26	Clorua	mg/l	450			
27	Clo dư	mg/l	0,9			
28	Coliform	MPN/100ml	3.000			01 năm/lần
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1			
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0			
31	Tổng PCB	mg/l	0,0027			
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,045			
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng giai đoạn 1 (tương ứng với nguồn số 01) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng sau đó theo hệ thống đường ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu vệ sinh của nhà điều hành Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng (tương ứng với nguồn số 02) được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích thiết kế 5 m³ sau đó theo hệ thống đường ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 01 khu vệ sinh của nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 (tương ứng với nguồn số 03) được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích thiết kế 5 m³ sau đó theo hệ thống đường ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực thí nghiệm nằm trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 (tương ứng với nguồn số 04) được thu gom bằng hệ thống đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ máy ép bùn giai đoạn 1 (tương ứng với nguồn số 05) được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Vị trí, thể tích các bể tự hoại:

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh của nhà điều hành Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng, có thể tích thiết kế 5 m³.

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh của nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, có thể tích thiết kế 5 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lọc rác thô → Bể thu gom → Lọc rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý (nước thải tiếp tục chuyển về bể Anoxic; bùn chuyển về ngăn thu bùn hóa lý sau đó chuyển về bể chứa bùn) → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học ((nước thải tiếp tục chuyển về bể khử trùng; bùn chuyển về ngăn thu bùn sinh học (1 phần bùn tuần hoàn về bể anoxic, phần bùn còn lại chuyển về bể chứa bùn)) → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Kênh A4-6-26-1 dẫn ra sông Châu Giang.

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer Anion, Polymer Cation, dung dịch Carbon, Javel, dung dịch HCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất

lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).
- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni (tính theo N).
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: 01 cái tại mương quan trắc (camera cố định) và 01 cái tại trụ quan trắc (camera xoay).
- Kết nối, truyền số liệu: Hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam để theo dõi, giám sát chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố có thể tích 5.100 m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã trang bị một máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu dầu DO, công suất 300 kVA đảm bảo luôn đáp ứng đủ điện năng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 hoạt động ổn định trong trường hợp hệ thống lưới điện có sự cố.

- Tất cả thiết bị vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 đều được trang bị dự phòng, trong trường hợp thiết bị sử dụng hư hỏng hay gặp sự cố thì thiết bị dự phòng sẽ được tiến hành thay thế kịp thời.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 gặp sự cố:

+ Trường hợp 1: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải đóng van xả thải đưa nước thải về hồ sự cố. Trong thời gian nước thải vượt quy chuẩn được tuần hoàn về và xử lý lại, nếu bể điều hòa tiếp nhận nước thải từ

bể thu gom dẫn đến đầy bể, công nhân sẽ khóa van nước thải đầu vào của bể điều hòa và chuyển nước thải từ bể thu gom sang hồ sự cố. Khi mực nước thải trong bể điều hòa hạ xuống, nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý lại.

+ Trường hợp 2: Nếu hệ thống bị quá tải đầu vào thì chuyển van cho bơm nước thải từ bể thu gom về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về để xử lý lại.

+ Trường hợp 3: Nếu các bể xử lý, bể điều hòa bị sự cố thiết bị, hay sự cố không khắc phục ngay được, không vận hành được thì chuyển van cho bơm nước thải từ bể thu gom về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về để xử lý lại.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1	
			Đối với ngành nghề có công đoạn xi mạ	Đối với các ngành nghề khác
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt-Co	150	150
3	pH	-	5,5 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	50
5	COD	mg/l	150	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	100
7	Asen	mg/l	0,1	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,01
9	Chì	mg/l	0,5	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1,0
13	Đồng	mg/l	2,0	2,0
14	Kẽm	mg/l	3,0	3,0
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	1,0	1,0
17	Sắt	mg/l	1,0	5,0
18	Tổng xyanua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10
21	Sunfua	mg/l	0,5	0,5

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1	
			Đối với ngành nghề có công đoạn xi mạ	Đối với các ngành nghề khác
22	Florua	mg/l	10	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10
24	Tổng nito	mg/l	40	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,0	6,0
26	Clorua	mg/l	1000	1000
27	Clo dư	mg/l	2,0	2,0
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1,0	1,0
30	Tổng PCB	mg/l	0,01	0,01
31	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- Tại đầu vào (bể thu gom) của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.
- Tại đầu ra (sau bể khử trùng) của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo đề nghị của Công ty).

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (theo đề nghị của Công ty).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động trong giai đoạn 1 của Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động trong giai đoạn 1 của Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt bơm thổi khí tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt bơm thổi khí tại bể aerotank của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy ép bùn trong nhà ép bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng giai đoạn 1 (nguồn không thường xuyên).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°

TT	Tên nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ vị trí X	Tọa độ vị trí Y
1	Khu vực đặt bơm thổi khí tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1	2287273	597748
2	Khu vực đặt bơm thổi khí tại bể aerotank của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1	2287303	597737
3	Khu vực đặt máy ép bùn trong nhà ép bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1	2287296	597768
4	Khu vực đặt máy phát điện dự phòng giai đoạn 1 (nguồn không thường xuyên)	2287267	597766

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Máy phát điện dự phòng được lắp đặt vỏ cách âm và sử dụng lớp cách âm giảm tiếng ồn; máy móc được đặt trên bệ bê tông chắc chắn, ở giữa chèn bằng lớp cao su có tính đàn hồi cao để hạn chế tiếng ồn và độ rung.

1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.

1.3. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	805
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	35
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	35
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	923
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	462
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	923
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	420
8	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực in) thải	08 02 04	10
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.277.571
10	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	4.125
11	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	19 05 02	279
Tổng khối lượng			1.285.588

Chất thải công nghiệp cần kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì, giấy vụn	300
2	Phế liệu nhựa, kim loại	300
3	Bao bì thải (đã chứa thuốc bảo vệ thực vật không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	15
4	Bùn bể tự hoại của khu nhà văn phòng, dịch vụ, nhà điều hành	2.250
5	Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	93.420
Tổng khối lượng		96.285

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **21 tấn/năm.****2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần kiểm soát:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Trang bị thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 240 lít, có màu vàng được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, được để tại khu vực lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần kiểm soát:

- Diện tích: Kho lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần kiểm soát đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 có diện tích thiết kế 15,9 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn; rãnh thu chất thải nguy hại dạng lồng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định; thiết bị bình phòng cháy chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Trang bị 03 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 240 lít đặt tại khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 120 thùng nhựa dung tích 45 lít có nắp đậy và 26 thùng nhựa dung tích 240 lít có nắp đậy đặt tại khu vực nhà điều hành Khu công nghiệp, nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, khu vực thí nghiệm; 55 thùng nhựa dung tích 120 lít đặt dọc đường nội bộ Khu công nghiệp và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

2.4.1. Thiết bị lưu giữ:

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (đã được ép khô) lưu giữ trong các bao PP chống thấm có trọng lượng 500 kg đến 1000 kg và lưu giữ tại nhà ép bùn.

2.4.2. Khu vực lưu giữ:

- Diện tích: Khu vực lưu giữ các bao bùn tạm thời nằm trong nhà ép bùn có diện tích 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Nhà ép bùn có nền bê tông, tường xây gạch, mái tôn, có lắp đặt biển cảnh báo, có bố trí rãnh thu nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn của giai đoạn 1 theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp cần kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Diện tích theo quy hoạch giai đoạn 1 của Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng là 100 ha, địa chỉ tại phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (trong đó 89,982 ha đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 10,018 ha chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), các nội dung đã thực hiện và tiếp tục thực hiện giai đoạn 1, cụ thể như sau:

1.1. Đối với phần diện tích 89,982 ha (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):

- Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 trong phần diện tích 77,5974 ha.

- Tiếp tục xây dựng các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng, thiết chế văn hóa, thể thao cho người lao động làm việc trong Khu công nghiệp (thuộc đất dịch vụ) trong phần diện tích 1,22 ha (trong đó triển khai thực hiện trong phần diện tích 0,86 ha đã được cấp giấy phép xây dựng và 0,36 ha sau khi được cấp giấy phép xây dựng).

- Tiếp tục xây dựng đường giao thông, trồng cây xanh, san lấp mặt bằng... trong phần diện tích 11,1646 ha (sau khi được cấp giấy phép xây dựng).

1.2. Đối với phần diện tích 10,018 ha (sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):

Tiếp tục xây dựng trạm bơm, công trình phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy, đường giao thông, trồng cây xanh, bố trí máy phát điện dự phòng,...

2. Diện tích theo quy hoạch giai đoạn 2 của Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng là 47,98 ha, địa chỉ tại phường Bạch Thượng và phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Các nội dung tiếp tục thực hiện giai đoạn 2, cụ thể như sau:

2.1. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm: Hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải, hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc,...

2.2. Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục, công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lọc rác thô → Bể thu gom → Lọc rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý (nước thải tiếp tục chuyển về bể Anoxic; bùn chuyển về ngăn thu bùn hóa lý sau

đó chuyển về bể chứa bùn) → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học ((nước thải tiếp tục chuyển về bể khử trùng; bùn chuyển về ngăn thu bùn sinh học (1 phần bùn tuần hoàn về bể anoxic, phần bùn còn lại chuyển về bể chứa bùn)) → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Kênh Bùn (Kênh A4-6).

Tọa độ điểm xả: X = 2284564,07; Y = 597605,332 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$, múi chiếu 3°).

+ Công suất thiết kế: 1.200 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer Anion, Polymer Cation, dung dịch Carbon, Javel, dung dịch HCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

++ Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 và xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$).

++ Lắp đặt hệ thống trắc nước thải tự động, liên tục một số thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni (tính theo N) tại cửa xả hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 và kết nối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam theo quy định; kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2.

++ Xây dựng hồ sơ cố giai đoạn 2 có dung tích 2.400 m³ đảm bảo lưu giữ nước thải 02 ngày khi hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 xảy ra sự cố.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 10 m².

- Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh (tại các khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải giai đoạn tiếp theo): công nhân sử dụng nhà vệ sinh tại nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải hiện hữu (hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm đã được hoàn thiện). Hoặc bố trí 02 nhà vệ sinh di động kích thước 90 cm x 135 cm x 260 cm với dung tích chứa nước thải 600 lít tại mỗi vị trí thi công. Đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực công trường.

+ Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng, tách cặn sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp hiện hữu. Bùn đất, cát tại hố lắng được đào đắp ngay tại công trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện: Nước thải → Hố lắng/tách cặn → Hệ thống thoát nước trong khu vực.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của cơ sở được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu (hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất thiết kế 2.500 m³/ngày đêm đã được hoàn thiện trong giai đoạn 1), đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định. Hoặc bố trí 02 nhà vệ sinh di động kích thước 90 cm x 135 cm x

260 cm với dung tích chứa nước thải 600 lít tại mỗi vị trí thi công. Đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực công trường.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng cơ sở thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Lập hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 02 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng không khí xung quanh.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu,... phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ cơ sở được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy (02 thùng với dung tích 100 lít/thùng), sau đó chuyển giao cho đơn vị đang thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của Khu công nghiệp.

+ Thỏa thuận với chính quyền địa phương về các vị trí đổ thải đất đá thải dư thừa (nếu có) và chỉ được đổ thải sau khi được chính quyền địa phương chấp thuận.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

+ Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi khu công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi khu công nghiệp.

+ Trồng cây xanh bảo đảm diện tích tối thiểu theo quy định.

2.4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Khu công nghiệp, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động giao thông trong giai đoạn thi công: xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng cũng như an toàn cho các nhà máy đã đi vào hoạt động tại khu công nghiệp trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của cơ sở; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường, nhà đầu tư thứ cấp đang hoạt động hoặc đang xây dựng và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực khu công nghiệp trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành khu công nghiệp; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện, nhà đầu tư thứ cấp đang xây dựng hoặc đang hoạt động và các công trình khu vực khu công nghiệp.

3. Sau khi hoàn thành việc các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định pháp luật.

3. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

7. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong Khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của Khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đã thống nhất, thỏa thuận về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 với các chủ dự án, cơ sở thứ cấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục

đầu tư và môi trường theo quy định của pháp luật (quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường). Đối với các dự án đang thực hiện thủ tục môi trường, các dự án trong quá trình thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp có thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất nhựa phải bảo đảm có hợp đồng thỏa thuận đầu nối, tiếp nhận nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đã được phê duyệt tại Giấy phép này.

9. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

11. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.